

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19-9-2018

“V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Liêm

Ông Bùi Hữu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Bé H, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp TH, xã TH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp TH, xã TH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Bé H (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Y sống chung với nhau vào năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, chị Y làm thất thoát tiền bạc, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh và chị Y đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh và chị Y có hai con chung là Trần Thị Diễm M, sinh ngày 12/10/1997, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Trần Khánh L, sinh ngày 06/4/2001, hiện nay đang sống với chị Y.

Sau khi ly hôn anh yêu cầu con theo ai người đó nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Y không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa anh Trần Bé H và chị Nguyễn Thị Y là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị Y có địa chỉ cư trú tại ấp TH, xã TH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Anh Trần Bé H và chị Nguyễn Thị Y không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì anh Trần Bé H có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của anh H đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị Y đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập chị Y hợp lệ đến lần thứ hai đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng chị Y vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Y.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh Trần Bé H và chị Nguyễn Thị Y không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy mối quan hệ hôn nhân giữa anh Hai và chị Yên không có giá trị pháp lý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án tuyên bố không công nhận anh Trần Bé H và chị Nguyễn Thị Y là vợ chồng.

Về nuôi dưỡng con chung: Anh H và chị Y có hai con chung là Trần Thị Diễm M, sinh ngày 12/10/1997, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Trần Khánh L, sinh ngày 06/4/2001, hiện nay đang sống với chị Y.

Sau khi ly hôn, anh yêu cầu con theo ai người đó nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu L hiện nay đang sống với chị Y từ khi anh chị sống ly thân với nhau và cuộc sống đã ổn định về mọi mặt. Hơn nữa, theo kết quả xác minh của Tòa án thì hiện nay cháu L đang sinh sống cùng với chị Y ở nơi khác, không biết địa chỉ cụ thể nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai của cháu L về việc có nguyện vọng sống chung với cha hay mẹ sau khi Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L cho chị Y nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định không có không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Nếu sau này anh H và chị Y có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Buộc anh H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố anh Trần Bé H và chị Nguyễn Thị Y không phải là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Trần Khánh L, sinh ngày 06/4/2001 cho chị Nguyễn Thị Y nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Trần Bé H phải chịu án phí là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004448 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, anh Trần Bé H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Kỳ